

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Lý Thanh Loan

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Email: ltloan1985@gmail.com

Article History

Received: 28/6/2020

Accepted: 20/7/2020

Published: 05/9/2020

Keywords

program development,
life skill education,
ethnic minority students,
community-based
education.

ABSTRACT

Life skill education is a central task of the semi-boarding ethnic minority school; however, up to now, there is no life skill education program suitable for this school. The paper presents the results of a survey on the development of community-based life skill education programs for students of ethnic minority semi-boarding high schools. The survey results show that, all stages of the program development cycle (identifying needs, setting program goals; designing lesson contents; organizing program implementation; checking and evaluating price improvement program) still contain many limitations. In the coming time, school principals should take necessary measures to overcome these weaknesses.

1. Mở đầu

Hiện nay, phát triển chương trình nhà trường, đặc biệt ở bậc phổ thông là một bước tiến của tự chủ trong quản lý giáo dục. Văn bản số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013 của Bộ GD-ĐT cho phép 05 trường phổ thông tiến hành thí điểm phát triển chương trình nhà trường, cũng là những gợi mở pháp lý đầu tiên trong việc giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh (HS) và triển khai thí điểm chương trình nhà trường (Bộ GD-ĐT, 2013). Bên cạnh đó, Bộ cho sử dụng một số tài liệu khác trong dạy học như: tài liệu dạy học thực nghiệm của các lớp đầu cấp tiểu học, tài liệu dạy học của VNEN, tài liệu dạy học song ngữ dành cho HS dân tộc thiểu số (DTTS)... làm tiền đề để xây dựng quan điểm xuyên suốt của Chương trình giáo dục phổ thông mới, đó là: "... trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội..." (Bộ GD-ĐT, 2018; Bộ GD-ĐT & Unicef, 2014). Như vậy, có thể khẳng định rằng, phát triển chương trình nhà trường đã chính thức là một nội dung của quản lý giáo dục; và càng đặc biệt quan trọng đối với các nhà trường chuyên biệt, vùng miền núi, DTTS. Phương pháp dạy học tốt nhất cho trẻ em, nhất là trẻ em DTTS là thông qua các trải nghiệm, học thông qua thực hành. HS được sử dụng các giác quan và khám phá môi trường xung quanh; trong đó, phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng đã chứng minh hiệu quả giáo dục bền vững tại nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là những nước có môi trường giáo dục đa văn hóa như Hoa Kỳ, Australia, Newzealand... (Banks, 1989; Actionaid International Vietnam & Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, 2007; Barbara, 2003).

Trước bối cảnh đó, bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng phát triển chương trình giáo dục kĩ năng sống (GDKNS) dựa vào cộng đồng cho HS trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) cấp THCS, thể hiện ở tất cả các khâu của chu trình phát triển chương trình bao gồm: Xác định nhu cầu, xây dựng mục tiêu chương trình; Thiết kế nội dung bài học; Tổ chức thực thi chương trình; Kiểm tra, đánh giá cải tiến chương trình.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng

Đề nghiên cứu về thực trạng vấn đề, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trên 366 người là cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục các THCS, giáo viên (GV), nhân viên; 398 HS và 200 người là thành viên cộng đồng ngoài nhà trường. Khảo sát được tiến hành tại 21 trường PTDTBT cấp THCS trên địa bàn 9 huyện thuộc 6 tỉnh có đông HS DTTS và nhiều trường PTDTBT (Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Kon Tum, Gia Lai). Số liệu được xử lý trên phần mềm SPSS phiên bản 22.0. Với mức điểm trung bình (ĐTB) chung được quy ước như sau (Nguyễn Công Khanh, 2001): Rất yếu/không quan trọng/ không cần/ không tích cực/ không thường xuyên: $1,0 \leq \text{ĐTB} \leq 1,8$; Yếu/ ít quan trọng/ ít cần/ ít tích cực/ ít thường xuyên: $1,8 < \text{ĐTB} \leq 2,6$; Trung bình/bình thường: $2,6 <$

ĐTB $\leq 3,4$; Khá/ quan trọng/ cần/ tích cực/ khá thường xuyên: $3,4 < \text{ĐTB} \leq 4,2$; Tốt/ rất quan trọng/ rất cần/ rất tích cực/ rất thường xuyên: $4,2 < \text{ĐTB} \leq 5,0$.

Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng các phương pháp: nghiên cứu tài liệu thứ cấp, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung để làm rõ các vấn đề nghiên cứu. Thời gian thực hiện: tháng 4/2019-4/2020.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1. Thực trạng xây dựng mục tiêu của chương trình giáo dục kỹ năng sống

- Các căn cứ xác định mục tiêu của chương trình GDKNS (bảng 1):

Bảng 1. Mức độ sử dụng các căn cứ trong xây dựng mục tiêu của chương trình GDKNS

TT	Các căn cứ	Mức độ quan trọng (%)							
		Không quan trọng	Ít quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất quan trọng	Số lượng	ĐTB	Thứ bậc
1	Văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý	0	0	3,8	51,4	44,8	366	4,41	2
2	Mục tiêu chung đối với cấp THCS	0	0	1,1	51,9	47,0	366	4,46	1
3	Công trình nghiên cứu, sách, tài liệu	0	0,5	24,0	58,5	16,9	366	3,92	3
4	Nhu cầu của HS DTTS	0	0	31,1	54,1	14,8	366	3,84	4
5	Nhu cầu của cha mẹ HS	9,3	29,5	47,0	14,2	0,0	366	2,66	5
6	Nhu cầu của cộng đồng dân cư	27,3	35,5	30,6	6,6	0,0	366	2,16	6
	ĐTB chung						366	3,57	

Bảng 1 cho thấy, chương trình GDKNS trong các nhà trường PTDTBT cấp THCS hiện nay chủ yếu căn cứ vào văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý và những mục tiêu về kỹ năng sống (KNS) theo chuẩn chung, quy định với bậc trung học, ít quan tâm đến các căn cứ như: Nhu cầu của cha mẹ HS và nhu cầu của cộng đồng dân cư. ĐTB chung đạt 3,57 (mức khá) cho thấy, việc sử dụng căn cứ chính là các quy định của ngành về GDKNS có thể đảm bảo những mục tiêu căn bản của giáo dục, đáp ứng một phần nhu cầu của xã hội đối với việc nuôi dạy và giáo dục HS. Nhưng việc đánh giá chưa đúng vai trò của từng căn cứ trong xây dựng mục tiêu chương trình có thể dẫn đến khoảng cách ngày càng xa giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

- Kết quả xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình GDKNS (bảng 2):

Bảng 2. Kết quả xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình GDKNS

TT	Các tiêu chí	Mức độ đáp ứng (%)							
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	Số lượng	ĐTB	Thứ bậc
1	Tính cụ thể	0	6,6	30,1	53,6	9,8	366	3,67	1
2	Tính khả thi	0	11,5	30,1	53,0	5,5	366	3,52	4
3	Tính thực tiễn	0	18,0	37,7	43,7	0,5	366	3,27	5
4	Khả năng đo lường	0	4,9	36,1	48,1	10,9	366	3,65	3
5	Khả năng đảm bảo thời gian	0	4,4	35,0	50,3	10,4	366	3,67	1
	ĐTB chung						366	3,56	

Bảng 2 cho thấy, ĐTB dựa trên các khía cạnh: tính cụ thể, tính đo lường, tính bền vững, tính khả thi đạt ngưỡng khá, chứng tỏ những KNS được đưa vào chương trình giáo dục đã khá rõ ràng, bền vững, có thể đánh giá được khả năng thực hiện nhằm hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh cho HS trong ứng xử với một số tình huống của cuộc sống... Tuy nhiên, mục tiêu của chương trình GDKNS đang thực hiện trong nhà trường có tính thực tiễn chưa cao (ĐTB = 3,27, 18% đánh giá thấp, 37,7% đánh giá trung bình), chứng tỏ chương trình chưa bao gồm tất cả những KNS thật sự cần thiết với HS DTTS, chưa thể chuẩn bị tốt cho HS khả năng ứng phó với những khó khăn và sự thay đổi không ngừng của cuộc sống nơi địa bàn hẻo lánh mà HS phải đối diện khi ở bên ngoài lớp học. ĐTB tính khả thi đạt 3,52 chứng tỏ một số KNS có trong chương trình cũng không dễ dàng thực hiện trong điều kiện khó khăn về mọi mặt của nhà trường, chưa tương đồng với những đặc điểm khác biệt về địa bàn, điều kiện sinh hoạt của HS DTTS so với mặt bằng chung của cả nước.

2.2.2. Thực trạng thiết kế nội dung chương trình giáo dục kỹ năng sống

- Thực trạng sử dụng các căn cứ để xây dựng nội dung GDKNS

Kết quả điều tra mức độ thường xuyên sử dụng các tài liệu này được tổng hợp trong bảng 3:

Bảng 3. Thực trạng sử dụng các tài liệu làm căn cứ xây dựng nội dung GDKNS

TT	Nguồn tài liệu	Mức độ sử dụng (%)							
		Không tích cực	Ít tích cực	Bình thường	Khá tích cực	Rất tích cực	Số lượng	ĐTB	Thứ bậc
1	Sách, Chương trình GDKNS có sẵn	0,5	1,6	23,0	53,6	21,3	366	3,93	2
2	Tài liệu hướng dẫn sinh hoạt câu lạc bộ	6,0	18,6	31,7	43,2	0,50	366	3,14	4
3	Tài liệu hướng dẫn giáo dục tích hợp, lồng ghép	0,0	3,3	20,8	53,0	23,0	366	3,96	1
4	Tài liệu thực hiện các chương trình ngoại khóa	3,8	8,2	30,6	47,0	10,4	366	3,52	3
5	Tài liệu ghi chép kiến thức bản địa	4,4	42,1	36,1	15,3	2,20	366	2,69	5
6	Kinh nghiệm của cộng đồng	14,2	32,8	33,3	19,1	0,50	366	2,59	6
	ĐTB chung							3,30	

Bảng 3 cho thấy, những loại tài liệu được sử dụng thường xuyên nhất là: Tài liệu hướng dẫn giáo dục tích hợp, lồng ghép nội dung GDKNS trong các hoạt động giáo dục; Sách, Chương trình GDKNS được thiết kế sẵn và Tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình ngoại khóa với ĐTB lần lượt là 3,96; 3,93 và 3,52 (mức khá tích cực). Bên cạnh đó, các tài liệu về hướng dẫn sinh hoạt câu lạc bộ cũng được trên 50% GV sử dụng từ mức khá đến rất tích cực, xếp thứ 4 trong đánh giá mức độ sử dụng các tài liệu khi xây dựng nội dung các bài học GDKNS. Với đặc trưng trường vùng DTTS - nơi có sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ của HS đến từ các DTTS khác nhau, mang những nét phong tục, tập quán riêng biệt của mỗi dân tộc - nên các trường PTDTBT cấp THCS còn sử dụng các tài liệu ghi chép kiến thức bản địa và những kinh nghiệm của cộng đồng xung quanh trường để xây dựng nội dung GDKNS cho HS.

- *Kết quả thiết kế nội dung CTGDKNS*: Để đánh giá chất lượng về mặt nội dung các bài học KNS có trong chương trình GDKNS, nghiên cứu đánh giá mức độ hài lòng của 2 đối tượng là CBQL, GV và HS trường PTDTBT cấp THCS. Kết quả thể hiện tại bảng 4.

Bảng 4. Kết quả thiết kế các nội dung GDKNS

TT	Các tiêu chí	HS			CBQL, GV			t
		Số lượng	ĐTB	ĐLC	Số lượng	ĐTB	ĐLC	
1	Phù hợp	398	4,07	0,700	366	4,03	0,645	0,587
2	Bổ ích	398	3,20	0,701	366	3,44	0,625	0,618
3	Cập nhật	398	3,21	0,793	366	3,22	0,775	0,876
4	Phong phú	398	3,23	0,600	366	3,30	0,584	0,293
5	Cấp thiết	398	3,33	0,711	366	3,39	0,669	0,427
6	Toàn diện	398	3,18	0,631	366	3,20	0,783	0,717
	ĐTB chung	398	3,37	0,689	366	3,43	0,680	0,586

Bảng 4 cho thấy, tất cả các tiêu chí có giá trị $t > 0,05$ chứng tỏ không có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong đánh giá giữa 2 đối tượng này. Độ lệch chuẩn của các nhóm trong đánh giá mỗi tiêu chí đều nhỏ hơn 1,0 chứng tỏ mức độ đồng lòng khá cao của các thành viên trong nhóm với nhận định được đưa ra. Cụ thể:

+ Nội dung các bài học trong chương trình GDKNS hiện tại chưa thật sự thỏa mãn mong muốn của HS (ĐTB chung = 3,37 < 3,40) và ngay cả các GV cũng đánh giá không cao (ĐTB chung = 3,43).

+ Các tiêu chí về tính bổ ích, cập nhật, phong phú, cần thiết, toàn diện đều có ĐTB mức độ đáp ứng ở ngưỡng trung bình ($2,6 < \text{ĐTB} < 3,4$) chứng tỏ: nội dung giáo dục mới chỉ bao quát một phần cuộc sống thường ngày của HS, khi HS ở tại trường, chưa đủ để giúp HS đối diện với những thách thức có trong cuộc sống; những KNS được xây dựng có thể trực tiếp phát huy tác dụng tới HS nhưng tính bền vững không cao; nội dung giáo dục có thể hấp dẫn với HS nhưng chưa có nhiều tính mới, đa dạng, cập nhật với đời sống hiện tại và tương lai của HS.

2.2.3. Thực trạng tổ chức thực thi chương trình giáo dục kỹ năng sống

- Thực trạng tần suất, hiệu quả sử dụng các hình thức tổ chức GDKNS

Khảo sát CBQL, GV và HS về tần suất và hiệu quả của các hình thức GDKNS được sử dụng trong nhà trường PTDTBT cho kết quả $t > 0,05$ và ĐTB được minh họa trong bảng 5.

Bảng 5. Tần suất, hiệu quả sử dụng các hình thức GDKNS

TT	Hình thức giáo dục	ĐTB			
		Tần suất		Hiệu quả	
		HS	CBQL, GV	HS	CBQL, GV
1	Phối hợp với cha mẹ	2,50	2,54	2,77	2,85
2	Công tác GV chủ nhiệm	3,99	4,07	4,00	4,01
3	Dạy học các môn khoa học	3,88	3,99	3,58	3,69
4	Dạy học môn Giáo dục công dân	3,99	4,01	3,88	3,99
5	Hoạt động Đoàn, Đội	3,99	4,02	4,02	3,96
6	Hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, ngoài giờ lên lớp	2,98	2,99	2,95	2,95
7	Dạy riêng biệt về KNS	1,57	1,68	1,80	1,87
8	Sinh hoạt cộng đồng	2,54	2,54	2,59	2,62
9	Hoạt động nội trú	4,14	4,11	4,27	4,17
ĐTB chung		3,29	3,33		3,32

Bảng 5 cho thấy, các nhà trường đã triển khai nhiều hình thức GDKNS cho HS; trong đó, hoạt động GDKNS thông qua các phong trào hoạt động của Đoàn, Đội được duy trì và phát triển mạnh; thông qua công tác của GV chủ nhiệm được quan tâm; thông qua tích hợp, lồng ghép vào các môn học chính khóa (các môn Khoa học và Giáo dục công dân) được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Bộ GD-ĐT. Đặc biệt, các trường PTDTBT đã chú trọng GDKNS cho HS thông qua các hoạt động của đời sống nội trú. Đối với trường PTDTBT, HS được học tập và nuôi dưỡng tại trường từ thứ 2 đến hết thứ 6 và chỉ trở về gia đình vào các ngày cuối tuần nên việc GDKNS là một nét đặc trưng và là nhiệm vụ quan trọng của trường.

Một điểm khác biệt đáng lưu ý trong tổ chức thực thi Chương trình GDKNS cho HS trường PTDTBT, là hình thức GDKNS trong những giờ học riêng biệt, tự nguyện là vô cùng hạn chế (ĐTB là 1,57 và 1,68 lần lượt ở hai nhóm HS và CBQL, GV) cho biết GDKNS theo hình thức tự nguyện có đóng phí không được thực hiện đối với hệ thống trường này. Đây là khác biệt rất lớn so với các trường thành thị, nơi 100% các trường THCS có thể phối hợp với các tổ chức bên ngoài nhà trường để mở các lớp, khóa GDKNS có thu phí cho HS, nơi phụ huynh sẵn sàng bỏ tiền cho con theo học KNS ở những trung tâm đào tạo, huấn luyện.

Thêm vào đó, các chỉ số về ĐTB thấp trong đánh giá tần suất sử dụng hình thức GDKNS cho HS thông qua những sinh hoạt tại cộng đồng và việc phối hợp với cha mẹ HS ($1,8 < \text{ĐTB} \leq 2,6$, mức yếu) cho thấy sự kết hợp rất yếu của gia đình - nhà trường - xã hội trong GDKNS cho HS. Sự bỏ mặc, giao phó trách nhiệm giáo dục HS cho một mình nhà trường có thể được nhìn nhận dưới nhiều khía cạnh: nhận thức còn hạn chế của đại bộ phận đồng bào

DTTS về vai trò của giáo dục và trách nhiệm của cha mẹ trong nuôi dạy con cái, của cộng đồng với những thành viên tương lai; năng lực tổ chức và huy động cộng đồng của đội ngũ CBQL, GV trường PTDTBT; quan điểm, năng lực phát triển chương trình giáo dục của những nhà quản lí các cấp và của chính nhà trường.

- *Thực trạng tần suất, hiệu quả sử dụng các phương pháp GDKNS (bảng 6):*

Bảng 6. Tần suất, hiệu quả sử dụng các phương pháp GDKNS

TT	Phương pháp giáo dục	ĐTB			
		Tần suất		Hiệu quả	
		HS	CBQL, GV	HS	CBQL, GV
1	Thuyết trình	4,05	3,97	3,43	3,49
2	Nghiên cứu tình huống	3,65	3,58	3,63	3,65
3	Mô hình mẫu	3,11	3,14	3,40	3,41
4	Đóng vai	3,41	3,45	3,75	3,76
5	Tự trải nghiệm	3,56	3,58	3,94	3,95
6	Dự án	2,80	2,80	3,10	3,09
7	Trò chơi	3,88	3,89	4,34	4,27
8	Làm việc nhóm	3,97	3,98	4,13	4,12
9	Seminar	2,71	2,72	2,73	2,70
10	Dã ngoại	2,17	2,19	2,98	2,92
ĐTB chung		3,33	3,33	3,54	3,54

Bảng 6 cho thấy, mặc dù Thuyết trình không được đánh giá là phương pháp dạy học tích cực nhất nhưng có thể do tính tiện lợi, dễ sử dụng và thói quen trong giảng dạy của phần lớn các GV ở Việt Nam nên vẫn được các GV sử dụng nhiều nhất trong GDKNS cho HS các trường PTDTBT cấp THCS. Bên cạnh đó, các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với GDKNS và tâm - sinh lí lứa tuổi HS THCS là Làm việc nhóm và Trò chơi cũng được các GV sử dụng thường xuyên thông qua tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi đặc trưng văn hóa dân tộc, kết hợp sử dụng làm việc nhóm vừa như một phương pháp giáo dục vừa như thực hiện một mục tiêu giáo dục. Các phương pháp ít được sử dụng là Dã ngoại, Seminar và dạy học theo Dự án. Kết quả phỏng vấn sâu cho biết, có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, trong đó có 2 nguyên nhân chính là do hạn chế về điều kiện dạy học của nhà trường và sự thiếu chủ động tìm tòi, đổi mới phương pháp dạy học của GV.

Tổ chức chơi Trò chơi là được đánh giá là phương pháp giáo dục mang lại hiệu quả cao nhất trong GDKNS cho HS trường PTDTBT cấp THCS. Bên cạnh đó, Làm việc nhóm, Tự trải nghiệm, Đóng vai, Nghiên cứu tình huống, Thuyết trình cũng là những phương pháp GDKNS đem lại hiệu quả tích cực, phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi THCS, HS DTTS và những điều kiện hiện tại của nhà trường. Những phương pháp giáo dục được đánh giá là mang lại hiệu quả giáo dục thấp là seminar, Dã ngoại, Dự án. Có thể là do tần suất sử dụng các phương pháp giáo dục này chưa đủ lớn để có thể rèn luyện KNS cho HS.

2.2.4. *Thực trạng kiểm tra, đánh giá cải tiến chương trình giáo dục kĩ năng sống*

Để xác định thực trạng đánh giá cải tiến chương trình GDKNS dựa vào cộng đồng trong trường PTDTBT cấp THCS, đề tài đánh giá 2 yếu tố như sau:

- *Thực trạng kế hoạch kiểm tra, đánh giá GDKNS:* Kết quả khảo sát cho thấy, sự phân tán khá lớn trong cả khâu lập kế hoạch và tổng kết kế hoạch kiểm tra, đánh giá trong các nhà trường PTDTBT cấp THCS đối với hoạt động GDKNS. Trong khâu xây dựng kế hoạch, mức độ rất thường xuyên chỉ đạt 4% và mức độ thường xuyên đạt 31%. Kết quả tương tự với khâu tổng kết kế hoạch kiểm tra, đánh giá với mức rất thường xuyên đạt 3% và thường xuyên đạt 38%. Đây là dấu hiệu cho thấy hoạt động kiểm tra, đánh giá ít được coi trọng trong quản lí GDKNS của các nhà trường PTDTBT.

- *Thực trạng cải tiến chương trình GDKNS (bảng 7):*

Bảng 7. Mức độ điều chỉnh của các phương án cải tiến chương trình GDKNS

TT	Phương án cải tiến	Mức độ điều chỉnh							
		Không tích cực	Ít tích cực	Bình thường	Tích cực	Rất tích cực	Số lượng	ĐTB	Thứ bậc
1	Điều chỉnh mục tiêu GDKNS cho HS	1,6	4,9	22,4	33,9	37,2	366	4,00	2
2	Điều chỉnh, thay đổi nội dung, chương trình GDKNS cho HS	1,1	7,1	22,4	37,7	31,7	366	3,92	3
3	Cải tiến hình thức, điều chỉnh thời lượng GDKNS cho HS	1,6	4,4	24,6	41,5	27,9	366	3,90	4
4	Đổi mới phương pháp, phương tiện GDKNS cho HS	0,5	3,3	21,9	41,0	33,3	366	4,03	1
5	Thay đổi địa điểm tổ chức GDKNS cho HS	21,9	27,9	49,7	0,0	0,5	366	2,30	5
ĐTB chung							366	3,63	

Bảng 7 cho thấy, kết quả khảo sát với nội dung này có độ tập trung không cao. Ý kiến trả lời dàn trải cả 5 mức đánh giá từ mức thấp nhất (Không có sự điều chỉnh) đến mức cao nhất (Tích cực điều chỉnh) cho thấy chưa có sự đồng đều, thống nhất giữa các nhà trường trong xây dựng, điều chỉnh chương trình giáo dục. ĐTB phương án cải tiến 4 thành tố của chương trình giáo dục Mục tiêu, Nội dung, Hình thức - Phương pháp, phương tiện đều ở mức tích cực ($3,4 < \text{ĐTB} \leq 4,2$). Số liệu này cho thấy các nhà trường khá quan tâm đến GDKNS cho HS bán trú, tích cực điều chỉnh những mục tiêu, nội dung giáo dục chưa phù hợp với nhu cầu của HS, cộng đồng. Tuy nhiên, ĐTB khá cao (xấp xỉ 4,0) - mức độ điều chỉnh tiệm cận mức cao nhất lại bộc lộ tình trạng kém ổn định của chương trình GDKNS hiện hành, 3/4 thành tố của chương trình (mục tiêu, nội dung, hình thức - phương pháp) đều biến đổi không ngừng, còn thành tố kiểm tra, đánh giá thực hiện không đầy đủ là hệ quả của việc không có phương hướng hoặc không có quy trình phát triển chương trình.

Phỏng vấn sâu để tìm hiểu việc điều chỉnh mục tiêu và nội dung GDKNS cho HS bán trú qua các năm, chúng tôi được biết: Việc điều chỉnh các KNS được đưa vào chương trình giáo dục không nằm ở sự chủ động của nhà trường mà là kết quả của việc thực hiện các chương trình hành động, chỉ thị năm học do ngành Giáo dục hướng dẫn hoặc các hoạt động hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài nhà trường. Điều này càng cho thấy, ngoài việc thực hiện rất tốt những quy định của ngành Giáo dục, thì tính chủ động trong xây dựng, sắp xếp và điều chỉnh chương trình nhà trường còn chưa cao, khả năng tự do sự phạm của đội ngũ GV còn thấp. ĐTB yếu tố Thay đổi địa điểm giáo dục ở mức thấp cho thấy hoạt động giáo dục chủ yếu diễn ra trong không gian lớp học, trường học mà chưa tích cực dựa vào cộng đồng để tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ tổ chức các hoạt động GDKNS bên ngoài nhà trường.

2.2.5. *Thực trạng nhân sự tham gia phát triển chương trình giáo dục kỹ năng sống*

- *Vai trò của cộng đồng giáo dục trong nhà trường:* Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù theo lý thuyết phát triển chương trình, CBQL, GV là lực lượng nòng cốt, trực tiếp tham gia vào phát triển chương trình nhà trường; tuy nhiên, có đến 75% CBQL, GV, nhân viên trong trường đóng vai trò là người thực thi chương trình và 12% người đóng vai trò quan sát, tức là không trực tiếp tham gia vào phát triển chương trình, những vị trí còn lại (tổ chức, phụ trách, thành viên tham gia, thư kí hỗ trợ xây dựng chương trình; góp ý kiến cho chương trình dự thảo) có rất ít người xác nhận mình đã tham gia.

- *Vai trò của cộng đồng HS:* Kết quả khảo sát cho thấy, HS rất ít tham gia vào các bước của chu trình phát triển chương trình GDKNS trong nhà trường. HS đã được nhà trường lấy ý kiến về những KNS các em cho là cần thiết, tuy nhiên sự tham gia này không nhiều, nhiệm vụ chính của các em vẫn chỉ là người thực hiện các nội dung giáo dục đã được xây dựng, theo hướng dẫn của GV. Thể hiện ở 30% ý kiến HS tham góp ý xác định mục tiêu chương trình và 100% thực hiện chương trình; còn lại đều 100% HS không tham gia góp ý nội dung, hình thức, phương pháp, đánh giá chương trình.

- *Vai trò của cộng đồng dân cư:* Kết quả cho thấy, mức độ tham gia của cộng đồng vào cả 5 khâu của chu trình phát triển chương trình GDKNS là rất ít ($1,6 < \text{ĐTB} \leq 2,4$, đều ở ngưỡng yếu); trong đó yếu nhất là khâu “Phân tích

nhu cầu, xác định mục tiêu của chương trình” (1,95 điểm). Kết quả này rất phù hợp để giải thích hiệu quả dựa vào cộng đồng không khả quan ở tất cả các khâu trong chu trình phát triển chương trình GDKNS cho HS trường PTDTBT, đồng thời chứng minh mối quan hệ tuyến tính của các yếu tố tạo nên thành tố với hiệu quả xây dựng thành tố đó, cũng như tính kết nối chặt chẽ của các thành tố mục tiêu - hình thức - nội dung - phương pháp, phương tiện - kiểm tra, đánh giá trong chu trình phát triển chương trình GDKNS.

Như vậy, tất cả các thành viên cộng đồng trong và ngoài nhà trường có vai trò mờ nhạt đối với phát triển chương trình. Điều này chứng minh tính sơ khai của nhiệm vụ phát triển chương trình GDKNS trong trường phổ thông và cho thấy sự ngỡ ngàng, lúng túng của các nhà trường khi triển khai một nhiệm vụ mới mà chưa có hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý và công cụ hỗ trợ từ các nhà khoa học.

3. Kết luận

Phát triển chương trình giáo dục nhà trường nói chung và phát triển chương trình GDKNS cho HS DTTS nói riêng là một nội dung của quản lý giáo dục nhà trường. Mặc dù trong những năm gần đây, Bộ GD-ĐT đã ban hành văn bản mang tính chất pháp quy trong việc phát triển chương trình nhà trường nhưng những nghiên cứu về vấn đề phát triển chương trình GDKNS cho HS DTTS vẫn còn ít. Do đó, các nhà trường đang gặp rất nhiều khó khăn trong thực thi nhiệm vụ cũng như rất cần những công trình nghiên cứu, tài liệu tham khảo để hỗ trợ những kiến thức khoa học, hiện đại về quản lý, phát triển chương trình và những hướng dẫn cụ thể trong việc huy động cộng đồng cùng với nhà trường xây dựng, quản lý chương trình giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- Actionaid International Vietnam, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục (2007). *Phương pháp tiếp cận giáo dục - phát triển cộng đồng*. NXB Giáo dục.
- Banks, James A. (1989). *Approaches to Multicultural Curriculum Reform*. Trotter Review, 3(3), Article 5. Available at: http://scholarworks.umb.edu/trotter_review/vol3/iss3/5.
- Barbara A. Beakley (2003). *Community-Based Instruction: A Guidebook for Teachers*. Council for Exceptional Children.
- Bộ GD-ĐT (2013). *Công văn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013 về Hướng dẫn thi điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/BGDĐT ngày 26/12/2018).
- Bộ GD-ĐT, Unicef (2014). *Báo cáo đề xuất khung hướng dẫn phát triển chương trình và tài liệu dạy học tránh định kiến tới các nhóm trẻ em dễ bị tổn thương*.
- Nguyễn Công Khanh (2001). *Ứng dụng SPSS FOR WINDOWS: Xử lý và phân tích dữ liệu*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.